**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ VINH**
Bản án số:54/2023/LHST
Ngày: 17/07/2023
*V/v tranh chấp ly hôn*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
### TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Hải Yến
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Công Thẩm - Bà Phan Kim Hoa
*- Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Văn Hoài
*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:* Ông Trần Văn Hội - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 08 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:109/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 05 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C – sinh năm 1959.
*Địa chỉ:* thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.(Có đơn xin xử vắng mặt)
*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1959.
*Địa chỉ:* khối H, phường H, thành phố V, Nghệ An.(có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn ngày 02/03/2023 và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của ông Nguyễn Văn C thì: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H kết hôn với nhau vào năm 1978, hôn nhân tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ (nay là huyện V), tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu quan tâm chăm sóc nhau. Sau đó, ông C vào tỉnh Đắk Lắk làm ăn thỉnh thoảng mới về. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân được khoảng 30 năm. Nay ông C thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Mỹ Y -sinh ngày 08/08/1979 và Nguyễn Thế K sinh ngày 08/6/1981. Nay ly hôn các con chung đã đến tuổi trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông Nguyễn Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà Nguyễn Thị H thừa nhận thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân như ông Nguyễn Văn C trình bày là đúng. Nay ông Nguyễn Văn C làm

đơn xin ly hôn bà Nguyễn Thị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nhất trí ly hôn để ổn định cuộc sống tuổi già.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Mỹ Y sinh ngày 08/08/1979 và Nguyễn Thế K sinh ngày 08/6/1981. Nay ly hôn các con chung đã đến tuổi trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện VKS nhân dân thành phố V phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến nay như sau: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho VKS nhân dân thành phố V đầy đủ, đúng quy định pháp luật, các đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của họ.

Về nội dung vụ án: Về tình cảm vợ chồng ông C, bà H kết hôn năm 1978, hôn nhân tự nguyện tìm hiểu. Theo ông C và bà H trình bày vợ chồng có đăng ký kết hôn nhưng do đã lâu nên không còn. Qua xác nhận tại chính quyền nơi đăng ký kết hôn thì do thời gian quá lâu nên không còn tài liệu lưu trữ về thông tin của những người đăng ký kết hôn trước năm 2000. Theo quy định tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư số 01/2001/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ Tư pháp, thì ông C và bà H kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1978 nên hôn nhân của họ là hợp pháp. Vợ chồng sống ly thân đã hơn 30 năm. Ông C, bà H đều cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị được ly hôn. Như vậy, chứng tỏ tình trạng sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần xử cho ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị H. Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 19, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39, 68, 147, 207, 227, 228, 271, 273 BLTTDS; điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư số 01/2001/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ Tư pháp; Điều 2 Luật người cao tuổi; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 xử:

- Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C. Cho ông Nguyễn Văn C được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Ông C và bà H không có yêu cầu nên miễn xem xét.

- Về tài sản chung và nợ: ông C và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

- Về án phí: Miễn án phí ly hôn cho ông Nguyễn Văn C.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, đề nghị của Kiểm sát viên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H có địa chỉ cư trú tại thành phố V, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân thành phố Vinh thụ lý vụ án để giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C, bà H. Ông C có bản tự khai, đơn trình bày và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bà H đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 4 điều 207 và khoản 1 điều 228 BLTTDS để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Văn C tuy vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà H đề nghị giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ tình cảm: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H kết hôn năm vào năm 1978, hôn nhân tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ (nay là huyện V) tỉnh Hà Tĩnh nhưng do thời gian đã quá lâu nên không còn lưu giữ giấy Đăng ký kết hôn. Qua xác nhận tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh thì do tách huyện nên tại UBND xã xã Đ, huyện V chỉ còn lưu giữ sổ thông tin về đăng ký kết hôn của người dân kể từ năm 2000 đến nay nên không cung cấp được thông tin kết hôn của ông C, bà H. Tuy nhiên, căn cứ điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư số 01/2001/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao; Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ Tư pháp thì hôn nhân của ông C, bà H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu quan tâm chăm sóc nhau, nghi ngờ nhau, nên mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Ông C vào Đ làm ăn sinh sống từ năm 1991 đến nay nên vợ chồng sống ly thân được hơn 30 năm. Nay ông Nguyễn Văn C thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với bà Nguyễn Thị H để ổn định cuộc sống. Bà Nguyễn Thị H cũng cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, ông C đã có cuộc sống riêng từ lâu nên bà H xin được ly hôn để ổn định cuộc sống tuổi già. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H cho rằng ông C đã có quan hệ với người khác và có con nhưng bà không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với mối quan hệ đó của ông C nên miễn xét. Như vậy, chứng tỏ tình cảm vợ chồng của ông C, bà H thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn C với bà Nguyễn Thị H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ông C, bà H thống nhất có hai con chung là Nguyễn Thị Mỹ Y sinh ngày 08/08/1979 và Nguyễn Thế K sinh ngày 08/6/1981. Nay ly hôn các con chung đã đến tuổi trưởng thành và có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn C sinh năm 1959, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông C.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 19, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39, 68, 147, 207, 227, 228, 271, 273 BLTTDS; điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư số 01/2001/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 03/01/2001; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về lệ phí, án phí xử:

- Về quan hệ tình cảm: Xử cho ông Nguyễn Văn C được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn C.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Ông Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**
*-VKSND TP Vinh*
*- Các đương sự*
*- UBND xã Đ, huyện V(để biết)*
*- Lưu HS*

**Lê Thị Hải Yến**